

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ 8 1 1/XNK-XXHH

V/v hướng dẫn về chứng từ
chứng nhận xuất xứ trong EVFTA

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu EUR.1

HỎA-TỐC →

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Để triển khai Thông tư số 11/2020/TT-BCT, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA như sau:

1. Khai báo trên www.ecosys.gov.vn đối với trường hợp C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp:

a. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19 Thông tư số 11/2020/TT-BCT, với lô hàng có trị giá trên 6.000 Euro, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp. Quy trình khai báo và chứng nhận C/O mẫu EUR.1 thực hiện tương tự các mẫu C/O hiện hành.

b. Việc kê khai C/O mẫu EUR.1 được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I đính kèm công văn này.

2. Khai báo trên www.ecosys.gov.vn đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

a. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư số 11/2020/TT-BCT, với lô hàng có trị giá không quá 6.000 Euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ.

b. Việc báo cáo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu do doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ thực hiện theo khoản 6 Điều 25 Thông tư số 11/2020/TT-BCT.

3. Trường hợp thương nhân xuất khẩu hàng hóa sang Vương quốc Anh, cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu EUR.1 hướng dẫn thương nhân chỉ kê khai C/O mẫu EUR.1 hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Mục 1, Mục 2 công văn này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Để hỗ trợ thương nhân xuất khẩu hàng hóa nhằm tận dụng ưu đãi trong EVFTA, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đề nghị các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu EUR.1 triển khai và hướng dẫn thương nhân thực hiện.

Mọi thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Phòng Xuất xứ hàng hóa, điện thoại:
(024) 2220 5444/ (024) 2220 2468; địa chỉ email: co@moit.gov.vn)./. *juw*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh (để b/c);
- Cục TMĐT&KTS (để p/h);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XXHH, hienttt.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trang

Nguyễn Cẩm Trang

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O MẪU EUR.1 CỦA VIỆT NAM
(ban hành kèm theo công văn số 0811/XNK-XXHH ngày 30 tháng 7 năm 2020)

C/O mẫu EUR.1 của Việt Nam phải được kê khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô trên cùng bên phải: số tham chiếu (do cơ quan, tổ chức cấp C/O điền). Số tham chiếu gồm 16 ký tự, chia làm 5 nhóm, cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên viết tắt của nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”.

b) Nhóm 2:

- Tên viết tắt của nước thành viên nhập khẩu thuộc EU, gồm 02 ký tự như sau:

| | |
|--------------|--------------------|
| AT: Austria | IT: Italy |
| BE: Belgium | LV: Latvia |
| BG: Bulgaria | LT: Lithuania |
| HR: Croatia | LU: Luxembourg |
| CY: Cyprus | MT: Malta |
| CZ: Czechia | NL: Netherlands |
| DK: Denmark | PL: Poland |
| EE: Estonia | PT: Portugal |
| FI: Finland | RO: Romania |
| FR: France | SK: Slovakia |
| DE: Germany | SI: Slovenia |
| EL: Greece | ES: Spain |
| HU: Hungary | SE: Sweden |
| IE: Ireland | UK: United Kingdom |

- Trường hợp chưa xác định nước nhập khẩu vào thời điểm xuất khẩu, ghi tên viết tắt của Liên minh châu Âu, gồm 02 ký tự là “EU”.

- Tên viết tắt của nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại Chương IV Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (sau đây gọi là Thông tư số 11/2020/TT-BCT), gồm 02 ký tự như sau:

| | |
|----------------|-----------------------|
| AD: Andorra | CM: Ceuta and Melilla |
| SM: San Marino | |

c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2020 sẽ ghi là “20”.

d) Nhóm 4: mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT. Danh mục này được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn khi có sự thay đổi.

đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự.

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”; Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Cộng hòa Liên bang Đức trong năm 2020 thì số tham chiếu của C/O này sẽ là: “VN-DE 20/02/00006”.

2. Ô số 1: tên giao dịch và địa chỉ đầy đủ của nhà xuất khẩu, tên nước thành viên xuất khẩu (Việt Nam).

3. Ô số 3: tên giao dịch và địa chỉ đầy đủ của nhà nhập khẩu, tên nước thành viên nhập khẩu.

Trường hợp chưa xác định nước nhập khẩu vào thời điểm xuất khẩu, điền thông tin nhà nhập khẩu trung gian và nước nhập khẩu trung gian.

4. Ô số 4: tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ xuất xứ của hàng hóa.

5. Ô số 5: tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ nhập khẩu hàng hóa.

Trường hợp chưa xác định nước nhập khẩu vào thời điểm xuất khẩu, điền thông tin nước nhập khẩu trung gian.

6. Ô số 6: ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi hàng bằng máy bay thì ghi “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì điền tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

Trường hợp chưa xác định cảng dỡ hàng vào thời điểm xuất khẩu, điền thông tin cảng trung chuyển.

7. Ô số 7: ISSUED RETROSPECTIVELY, DUPLICATE hoặc ghi chú khác (nếu có).

Trường hợp áp dụng Điều 22 Thông tư số 11/2020/TT-BCT, thương nhân ghi ngày, nơi xuất khẩu hàng hóa và nêu rõ lý do.

8. Ô số 8: số thứ tự các mặt hàng (mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng), ký hiệu và số hiệu, số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa và mã HS (ở cấp 6 số).

9. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hóa (hoặc đơn vị đo lường khác).

10. Ô số 10: số, ngày của hóa đơn thương mại và trị giá lô hàng.

11. Ô số 11: dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O.

- Dòng thứ nhất và dòng thứ hai: để trống.

- Dòng thứ ba: tên viết tắt của cơ quan, tổ chức cấp C/O theo danh sách tại Phụ lục II đính kèm công văn này.

- Dòng thứ tư: Viet Nam.

- Dòng thứ năm: địa điểm; ngày, tháng, năm cấp C/O.

- Dòng thứ sáu: họ và tên, chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O.

12. Ô số 12:

- Dòng thứ nhất: địa điểm; ngày, tháng, năm đề nghị cấp C/O.

- Dòng thứ hai: họ và tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 13: dành cho cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu.

14. Ô số 14: dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O để ghi kết quả xác minh xuất xứ.

15. Đối với các mục có quy định “optional” (tại Ô số 3, Ô số 6, Ô số 10) và mục HS (tại Ô số 8), thương nhân có quyền lựa chọn thể hiện hoặc không thể hiện thông tin trên C/O mẫu EUR.1. Tuy nhiên, các thông tin này sẽ thể hiện trên Đơn đề nghị cấp C/O để đảm bảo xác minh được xuất xứ hàng hóa.

16. Đối với tiêu chí xuất xứ hàng hóa: Tiêu chí xuất xứ hàng hóa phải được thể hiện tại Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu quy định tại các Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa. Theo đó:

- Tại Mục “Tiêu chí áp dụng” ở góc trên bên phải Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu: ghi “PSR”.

- Tại Mục “Kết luận”: ghi rõ tiêu chí xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC CẤP C/O MẪU EUR.1 CỦA VIỆT NAM
(ban hành kèm theo công văn số 0811/XNK-XXHH ngày 30 tháng 7 năm 2020)

| STT | Tên tiếng Anh cơ quan, tổ chức cấp C/O | Tên viết tắt bằng tiếng Anh của cơ quan, tổ chức cấp C/O | Mã số |
|------------|---|---|--------------|
| 1 | Import - Export Management Office in Ha Noi | IEM Office in Ha Noi | 01 |
| 2 | Import - Export Management Office in Ho Chi Minh City | IEM Office in Ho Chi Minh City | 02 |
| 3 | Import - Export Management Office in Da Nang | IEM Office in Da Nang | 03 |
| 4 | Import - Export Management Office in Dong Nai | IEM Office in Dong Nai | 04 |
| 5 | Import - Export Management Office in Binh Duong | IEM Office in Binh Duong | 06 |
| 6 | Import - Export Management Office in Vung Tau | IEM Office in Vung Tau | 07 |
| 7 | Import - Export Management Office in Lang Son | IEM Office in Lang Son | 08 |
| 8 | Import - Export Management Office in Quang Ninh | IEM Office in Quang Ninh | 09 |
| 9 | Import - Export Management Office in Lao Cai | IEM Office in Lao Cai | 71 |
| 10 | Import - Export Management Office in Thai Binh | IEM Office in Thai Binh | 72 |
| 11 | Import - Export Management Office in Thanh Hoa | IEM Office in Thanh Hoa | 73 |
| 12 | Import - Export Management Office in Nghe An | IEM Office in Nghe An | 74 |
| 13 | Import - Export Management Office in Tien Giang | IEM Office in Tien Giang | 75 |
| 14 | Import - Export Management Office in Can Tho | IEM Office in Can Tho | 76 |
| 15 | Import - Export Management Office in Hai Duong | IEM Office in Hai Duong | 77 |
| 16 | Import - Export Management Office in Binh Tri Thien | IEM Office in Binh Tri Thien | 78 |
| 17 | Import - Export Management Office in Khanh Hoa | IEM Office in Khanh Hoa | 80 |
| 18 | Import - Export Management Office in Ha Tinh | IEM Office in Ha Tinh | 85 |
| 19 | Import - Export Management Office in Ninh Binh | IEM Office in Ninh Binh | 86 |